

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ:

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Công Pháp Quốc Tế		
Mã học phần:	DLK0090	Số tin chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	231_71LAWS40023_01, 02, 03		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75	phút
<i>Thí sinh chỉ được tham khảo tài liệu bằng giấy:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
 - + Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1
 - + Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Hiểu được khái niệm, đặc điểm, đối tượng điều chỉnh và bản chất của luật quốc tế, mối quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia, giải quyết sự xung đột pháp luật giữa luật quốc tế và luật quốc gia, hiểu được các loại nguồn của luật quốc tế, các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế	Trắc nghiệm	30%	Câu 1 -> Câu 15		
CLO 2	Nhận thức và có cái nhìn khách quan hơn	Trắc nghiệm	30%	Câu 16 -> Câu 30		

	về hệ thống pháp luật quốc tế so với hệ thống pháp luật quốc gia					
CLO 3	Phân tích đánh giá được các sự kiện pháp lý xảy ra trong thực tế đời sống quốc tế	Tự luận	20%	Câu hỏi số 1,2,3		
CLO 4	Vận dụng được các kiến thức của công pháp quốc tế để đưa vào thực tiễn đời sống quốc tế	Tự luận	15%	Câu hỏi số 2, 3,4		
CLO 5	Hình thành thói quen tư, học tập suốt đời và làm chủ việc chủ động tự học để nâng cao trình độ	Tự luận	5%	Câu hỏi số 4		

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá

bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (30 câu, 0.2 điểm/câu)

Anh/chị hãy chọn phương án đúng nhất trong những câu sau đây

Vấn đề công nhận trong Luật quốc tế:

- A. Không tạo nên tư cách chủ thể của luật quốc tế đối với thực thể được công nhận.
- B. Là điều kiện bắt buộc để 1 quốc gia trở thành chủ thể của Luật quốc tế.
- C. Là điều kiện, phương tiện chính trị để các quốc gia thiết lập quan hệ với nhau trong quan hệ quốc tế vì lợi ích của quốc gia công nhận.
- D. Tất cả sai.

ANSWER: A

Quyền năng chủ thể của một chủ thể luật quốc tế:

- A. Không phụ thuộc vào sự công nhận của bất cứ chủ thể nào khác của luật quốc tế.
- B. Do chủ thể đó tự quy định.
- C. Do sự công nhận của chủ thể khác của Luật quốc tế đem lại.
- D. Do Liên Hiệp Quốc quy định.

ANSWER: A

Khác với luật quốc gia, luật quốc tế thể hiện:

- A. Một trật tự pháp lý ngang bằng, bình đẳng giữa các chủ thể của nó
- B. Có cơ quan lập pháp xây dựng các quy phạm pháp lý bắt buộc
- C. Có cơ quan hành pháp có quyền lực và phương tiện tài chính
- D. Có cơ quan tư pháp để giải quyết mọi tranh chấp và trừng phạt mọi hành vi vi phạm pháp luật

ANSWER: A

Luật quốc tế tác động đối với luật quốc gia ở chỗ:

- A. Luật quốc tế góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật của quốc gia

- B. Đây là sự tác động mang tính xuất phát điểm
 - C. Việc ban hành hoặc sửa đổi những văn bản pháp luật quốc gia không cần tính tới sự hài hòa với các văn bản pháp luật quốc tế tương ứng
 - D. Luật quốc tế phải được nội luật mới được áp dụng tại các quốc gia
- ANSWER: A

Pacta sunt servanda là:

- A. Tận tâm thực hiện các cam kết quốc tế.
- B. Bảo vệ Hiến chương Liên Hợp quốc;
- C. Tuân thủ các thỏa thuận quốc tế
- D. Tôn trọng quyền con người;

ANSWER: A

Giải quyết hòa bình các tranh chấp quốc tế là:

- A. Nghĩa vụ pháp lý quốc tế của quốc gia;
- B. Quyền của các quốc gia;
- C. Quyền tùy nghi của các quốc gia
- D. Quyền dựa trên sự lựa chọn của quốc gia

ANSWER: A

Trong các trường hợp sau đây, quốc gia được sử dụng vũ lực:

- A. Tự vệ cá thể hoặc tập thể khi bị tấn công vũ trang và phải thông báo cho Hội đồng bảo an Liên hợp quốc
- B. Theo quyết định của đại hội đồng Liên hợp quốc
- C. Thực hiện biện pháp “phòng ngừa” chiến tranh khi xét thấy cần thiết
- D. Giải quyết tranh chấp quốc tế

ANSWER: A

Những nguyên tắc sau đây là những nguyên tắc có các trường hợp ngoại lệ:

- A. Nguyên tắc cấm dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực; nguyên tắc Pacta Sunt Servanda; nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau
- B. Nguyên tắc cấm dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực; nguyên tắc tôn trọng các cam kết quốc tế; nguyên tắc Pacta Sunt Servanda
- C. Nguyên tắc các quốc gia có nghĩa vụ hợp tác với nhau; nguyên tắc Pacta Sunt Servanda; nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác
- D. Nguyên tắc các quốc gia có nghĩa vụ hợp tác với nhau; nguyên tắc quyền dân tộc tự quyết; nguyên tắc tôn trọng các cam kết quốc tế

ANSWER: A

Nguồn của luật quốc tế gồm:

- A. Điều ước quốc tế, tập quán quốc tế và các nguyên tắc pháp luật chung
- B. Điều ước quốc tế và tập quán quốc tế
- C. Điều ước quốc tế, tập quán quốc tế, nghị quyết của tổ chức quốc tế liên chính phủ, phán quyết của tòa án quốc tế liên hợp quốc
- D. Gồm cả nguồn chính và nguồn bổ trợ

ANSWER: A

Nguồn của luật quốc tế gồm:

- A. Điều ước quốc tế, tập quán quốc tế và các nguyên tắc pháp luật chung
- B. Điều ước quốc tế và tập quán quốc tế
- C. Điều ước quốc tế, tập quán quốc tế, nghị quyết của tổ chức quốc tế liên chính phủ, phán quyết của tòa án quốc tế liên hợp quốc
- D. Gồm cả nguồn chính và nguồn bổ trợ

ANSWER: A

Ngôn ngữ của điều ước quốc tế là:

- A. Do các bên thỏa thuận
- B. Tiếng La-tinh hoặc tiếng Anh
- C. Tiếng Anh hoặc tiếng Pháp
- D. Tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Nga

ANSWER: A

Bảo lưu điều ước quốc tế là hành vi nhằm:

- A. Loại trừ hoặc thay đổi hiệu lực của một hoặc một vài điều khoản của điều ước quốc tế
- B. Loại trừ hiệu lực của điều ước quốc tế
- C. Thay đổi hiệu lực của điều ước quốc tế
- D. Chấp nhận ràng buộc hiệu lực của điều ước quốc tế.

ANSWER: A

Giải thích điều ước quốc tế là hành vi:

- A. Làm sáng tỏ nội dung của điều ước quốc tế
- B. Công nhận hiệu lực của điều ước quốc tế
- C. Điều chỉnh nội dung của điều ước quốc tế
- D. Chuyển hóa điều ước quốc tế vào pháp luật quốc gia để thực hiện

ANSWER: A

Hiến chương Liên hợp quốc năm 1945 là:

- A. Điều ước quốc tế đa phương
- B. Điều ước quốc tế song phương
- C. Không phải điều ước quốc tế
- D. Vấn đề còn đang tranh cãi có phải hay không phải là điều ước quốc tế

ANSWER: A

Điều ước quốc tế và tập quán quốc tế có những đặc điểm giống nhau là:

- A. Chúng đều có hiệu lực pháp lý ngang nhau.
- B. Chúng đều không dựa trên sự thỏa thuận.
- C. Chúng đều không cần phải phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế.
- D. Chúng đều không có vai trò điều chỉnh quan hệ song phương.

ANSWER: A

Sự hạn chế của bảo lưu:

- A. Bảo lưu chỉ áp dụng cho điều ước quốc tế đa phương không cấm bảo lưu
- B. Bảo lưu chỉ áp dụng cho điều ước quốc tế song phương
- C. Bảo lưu chỉ áp dụng khi điều ước quốc tế đó đã phát sinh hiệu lực
- D. Quốc gia không được phép rút bảo lưu khi đã tuyên bố bảo lưu

ANSWER: A

Ý nghĩa pháp lý của bảo lưu:

- A. Nhằm phát huy vai trò điều chỉnh các quan hệ quốc tế nảy sinh.
- B. Góp phần hạn chế số lượng thành viên tham gia.
- C. Để giải quyết lợi ích của các quốc gia đang phát triển.
- D. Góp phần tăng cường biện pháp bảo đảm thi hành luật quốc tế.

ANSWER: A

Các hình thức ký điều ước quốc tế:

- A. Ký tắt, ký ad referendum, ký chính thức
- B. Ký tắt, ký tượng trưng, ký ad referendum
- C. Ký tắt, ký chính thức, ký đầy đủ
- D. Ký ad referendum, ký chính thức

ANSWER: A

Công nhận chính phủ mới:

- A. Chỉ đặt ra đối với chính phủ De facto.
- B. Là công nhận một chủ thể mới của Luật quốc tế.
- C. Không phải là sự công nhận người đại diện “hợp pháp” cho quốc gia đó trong sinh hoạt quốc tế.
- D. Không áp dụng cho chính phủ của một quốc gia mới thành lập

ANSWER: A

Công nhận minh thị, công nhận mặc thị là:

- A. Phương pháp công nhận
- B. Hình thức công nhận
- C. Hậu quả pháp lý của sự công nhận
- D. Thể loại công nhận

ANSWER: A

Sự công nhận chính phủ mới chỉ đặt ra đối với chính phủ:

- A. Defacto.
- B. Dejure.
- C. Adhoc.
- D. Defacto và Dejure.

ANSWER: A

Hệ thống cơ quan quan hệ đối ngoại của Nhà nước là:

- A. Các cơ quan do Nhà nước lập ra ở trong và ngoài nước, có chức năng thay mặt cho Nhà nước trong những quan hệ chính thức với các quốc gia và chủ thể khác của Luật Quốc tế
- B. Các cơ quan do Nhà nước lập ra ở nước ngoài, có chức năng thay mặt cho Nhà nước trong những quan hệ chính thức với các quốc gia và chủ thể khác của Luật Quốc tế
- C. Các cơ quan do Nhà nước lập ra ở trong nước, có chức năng thay mặt cho Nhà nước trong những quan hệ chính thức với các quốc gia và chủ thể khác của Luật Quốc tế
- D. Các cơ quan Đại diện ngoại giao và cơ quan lãnh sự có chức năng thay mặt cho Nhà nước trong những quan hệ chính thức với các quốc gia và chủ thể khác của Luật Quốc tế

ANSWER: A

Các quyền ưu đãi và miễn trừ của viên chức ngoại giao có thể được từ bỏ khi:

- A. Nước cử tuyên bố một cách rõ ràng về việc đó
- B. Chính viên chức ngoại giao tuyên bố từ bỏ
- C. Viên chức ngoại giao là nguyên đơn trong vụ kiện dân sự
- D. Do nước cử và nước tiếp nhận thỏa thuận trong từng trường hợp

ANSWER: A

Người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao bắt đầu chức trách của mình kể từ thời điểm:

- A. Trình quốc thư lên Nguyên thủ quốc gia của nước tiếp nhận
- B. Tuỳ thuộc vào nước tiếp nhận
- C. Trình bản sao quốc thư lên Bộ trưởng bộ ngoại giao nước tiếp nhận
- D. Kể từ khi đặt chân lên nước nhận đại diện để nhậm chức

ANSWER: A

Hàm ngoại giao là:

- A. Chức danh của những công chức ngành ngoại giao công tác trong các cơ quan đại diện ngoại giao thường trực trong nước và ngoài nước
- B. Chức danh của những công chức ngành ngoại giao công tác trong các cơ quan đại diện ngoại giao thường trực tại nước ngoài
- C. Chức vụ của những công chức ngành ngoại giao công tác trong các cơ quan đại diện ngoại giao thường trực trong nước
- D. Chức vụ của viên chức ngoại giao công tác trong các cơ quan đại diện ngoại giao thường trực trong nước và ngoài nước

ANSWER: A

Quyền ưu đãi và miễn trừ của viên chức ngoại giao là những quyền ưu đãi đặc biệt mà nước nhận đại diện, phù hợp với luật pháp quốc tế, dành cho:

- A. Các cơ quan đại diện ngoại giao và các viên chức, nhân viên của cơ quan đó
- B. Các cơ quan đại diện ngoại giao, các viên chức ngoại giao
- C. Các cơ quan đại diện ngoại giao
- D. Các viên chức ngoại giao

ANSWER: A

Luật quốc tế và luật quốc gia là hai hệ thống pháp luật:

- A. Độc lập nhưng có sự tác động qua lại lẫn nhau
- B. Thống nhất
- C. Độc lập
- D. Biệt lập

ANSWER: A

Bản chất của luật quốc tế là sự thỏa thuận, được thể hiện:

- A. Trong việc xây dựng các quy phạm pháp luật quốc tế và xác định phương thức áp dụng các quy phạm đó.
- B. Chọn luật quốc gia nào để điều chỉnh các quan hệ quốc tế.
- C. Chọn tòa án quốc gia nào để giải quyết tranh chấp quốc tế.
- D. Chọn biện pháp cưỡng chế riêng lẻ nào để bảo đảm cho luật quốc tế được tuân theo.

ANSWER: A

Luật quốc tế là:

- A. Hệ thống pháp luật độc lập và có sự tác động với hệ thống pháp luật quốc gia
 B. Hệ thống pháp luật phức hợp bao gồm cả pháp luật quốc gia
 C. Ngành luật điều chỉnh quan hệ giữa các chủ thể luật quốc tế
 D. Một hệ thống pháp luật tồn tại phụ thuộc vào pháp luật quốc gia và có giá trị pháp lý thấp hơn pháp luật quốc gia

ANSWER: A

Phương thức hình thành các quy phạm pháp luật quốc tế là:

- A. Do các chủ thể luật quốc tế thỏa thuận xây dựng nên
 B. Do Đại hội đồng Liên hợp quốc xây dựng
 C. Do các cường quốc đặt ra các nguyên tắc và các quy phạm quốc tế
 D. Do Hội đồng bảo an Liên hợp quốc xây dựng

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (tổng số câu hỏi + thang điểm từng câu hỏi)

Câu 1: Cư trú chính trị là quyền của mỗi cá nhân nên không cần phải tuân thủ bất cứ điều kiện nào. (1 điểm)

Câu 2: Thành viên cơ quan đại diện ngoại giao là các viên chức ngoại giao (1 điểm)

Câu 3: Cư trú chính trị và dẫn độ tội phạm là như nhau(1 điểm)

Câu 4: Người được bảo hộ ngoại giao không cần có quốc tịch của quốc gia tiến hành bảo hộ (1 điểm)

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phân câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		6.0	
Câu 1 - 30	A	0.2đ/câu	Nhờ Phòng khảo thí trộn đề thi hộ
II. Tự luận		4.0	
Câu 1	<p>Câu 1: Cư trú chính trị là quyền của mỗi cá nhân nên không cần phải tuân thủ bất cứ điều kiện nào.</p> <p>=> SAI</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu khái niệm cư trú chính trị - Có 2 điều kiện để được cư trú chính trị: 	(0.25 điểm) (0.25 điểm)	

	<ul style="list-style-type: none"> + Phải có quan điểm bất đồng với nhà nước mà người đó là công dân về chính trị, tôn giáo, khoa học kỹ thuật; + Và bị nhà nước đó truy nã 	(0.25 điểm)	
		(0.25 điểm)	
Câu 2	<p>Câu 2: Thành viên cơ quan đại diện ngoại giao là các viên chức ngoại giao => SAI</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên cơ quan đại diện ngoại giao gồm: Viên chức ngoại giao, nhân viên hành chính kỹ thuật, nhân viên phục vụ <p>Cơ sở pháp lý: điều 1 mục e, f, g công ước Vienna 1961 về quan hệ ngoại giao</p>	(0.25 điểm) (0.25 điểm)	
		(0.5 điểm)	
Câu 3	<p>Câu 3: Cư trú chính trị và dẫn độ tội phạm là như nhau => SAI</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cư trú chính trị là việc một quốc gia cho phép một người nước ngoài do có quan điểm bất đồng với nhà nước của mình (về chính trị, tôn giáo,..) và bị quốc gia mình truy nã, được nhập cảnh và cư trú tại quốc gia mà người đó xin cư trú - Còn dẫn độ tội phạm là việc một quốc gia trao một kẻ phạm tội theo yêu cầu của một quốc gia để quốc gia đó tiến hành điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án 	(0.25 điểm) (0.25 điểm)	
		(0.5 điểm)	
Câu 4	<p>Câu 4: Người được bảo hộ ngoại giao không cần có quốc tịch của quốc gia tiến hành bảo hộ => SAI</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu khái niệm bảo hộ ngoại giao: Bảo hộ ngoại giao (bảo hộ công dân theo nghĩa hẹp) là sự giúp đỡ của nhà nước đối với công dân nước mình ở nước ngoài để đối phó với hành vi vi phạm của quốc gia nước ngoài gây thiệt hại cho công dân nước tiến hành bảo hộ <p>Một trong ba điều kiện để được nhà nước bảo hộ ngoại giao là người được bảo hộ phải là công dân của nước tiến hành bảo hộ trước thời điểm bảo hộ, nếu trong thời gian bảo hộ người đó xin thôi quốc tịch và không còn là công dân của nước tiến hành bảo hộ thì việc bảo hộ sẽ chấm dứt</p>	(0.25 điểm) (0.25 điểm)	
		(0.5 điểm)	

	Điểm tổng	10.0	
--	------------------	-------------	--

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 11 năm 2023

Người duyệt đề



Nguyễn Thị Yên

Giảng viên ra đề



Nguyễn Thị Yên